

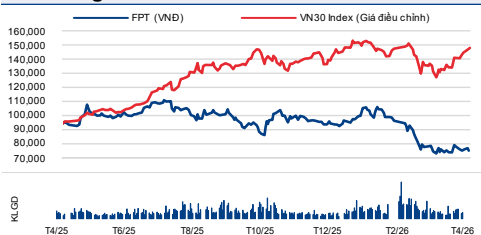
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ113,500
Tiềm năng tăng/giảm: 52.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (22/4/2026)	74,600
Mã Bloomberg	FPT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	73,100-110,945
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	75,533
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	127,083
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,828
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,704
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	835
Slg CP NN được mua (tr.đv)	181
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	38.4%
Tỷ lệ freefloat	78.8%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	70,113	78,813	88,483
EBITDA đc (tỷ đồng)	13,883	15,805	17,760
LNTT (tỷ đồng)	13,039	14,992	16,903
LNT ĐC (tỷ đồng)	9,353	10,583	11,933
FCF (tỷ đồng)	5,038	7,542	9,456
EPS ĐC (đồng)	5,060	5,726	6,456
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,500
BVPS (đồng)	21,418	25,624	29,580
T.trưởng EBITDA (%)	6.44	13.8	12.4
T.trưởng EPS ĐC (%)	2.92	13.2	12.7
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	25.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	19.8	20.1	20.1
Tỷ suất LNTT (%)	18.6	19.0	19.1
Tỷ suất LNT ĐC (%)	13.4	13.5	13.5
Tỷ lệ LN trả CT (%)	39.5	34.9	38.7
Nợ thuần/VCSH (%)	31.0	25.3	27.6
ROAE (%)	28.3	26.5	25.4
ROACE (%)	26.2	25.4	24.3
EV/doanh thu (lần)	1.96	1.74	1.58
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.91	8.68	7.88
P/E ĐC (lần)	14.7	13.0	11.6
P/B (lần)	3.48	2.91	2.52
Lợi suất cổ tức (%)	2.68	2.68	3.35

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FPT đang chuyển mình từ một đơn vị gia công phần mềm trở thành công ty công nghệ thực thụ trên phạm vi toàn cầu.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Mai Đoàn Ngọc Hân

Chuyên viên cao cấp, Ngành Công
han.mdn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299

Q1/2026: Lợi nhuận thuần tăng 14% so với cùng kỳ, sát dự báo

- FPT ghi nhận LNTT & lợi nhuận thuần Q1/2026 tăng 16% & 14% so với cùng kỳ đạt lần lượt 2.804 tỷ đồng & 2.487 tỷ đồng, cho thấy sự bền vững ở các khối Công nghệ và khối Giáo dục & Đầu tư. KQKD này sát với dự báo của HSC ở mức 2.770 tỷ đồng LNTT và 2.460 tỷ đồng lợi nhuận thuần, bằng lần lượt 22% & 24% dự báo doanh thu và lợi nhuận thuần của chúng tôi cho cả năm 2026.
- Trong khi đó, doanh thu Q1/2026 tăng 9% so với cùng kỳ đạt 12,5 nghìn tỷ đồng. Doanh thu bị ảnh hưởng bởi sự suy yếu của mảng Giáo dục (giảm 4% so với cùng kỳ), trong khi mảng Dịch vụ CNTT nước ngoài duy trì ổn định (tăng 11% so với cùng kỳ) và mảng Dịch vụ CNTT trong nước tăng trưởng vững chắc (tăng 14% so với cùng kỳ).
- Doanh thu kỳ mới trong Q1/2026 tăng vững chắc 22% so với cùng kỳ đạt 13,8 nghìn tỷ đồng, hỗ trợ tăng trưởng doanh thu trong tương lai. Sau khi giá cổ phiếu đi ngang trong 1 tháng qua, FPT đang giao dịch ở mức P/E trượt dự phóng 1 năm là 12,5 lần, thấp hơn so với bình quân 3 năm ở mức 18,8 lần. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào đối với FPT với giá mục tiêu 113.500đ.

Sự kiện: Công bố KQKD Q1/2026

Vào ngày 23/4/2026, FPT đã công bố KQKD Q1/2026 với lợi nhuận thuần & LNTT tăng 16% & 14% so với cùng kỳ đạt lần lượt 2.804 tỷ đồng & 2.487 tỷ đồng, sát với dự báo của HSC là 2.770 tỷ đồng & 2.460 tỷ đồng; trong khi doanh thu tăng 9% so với cùng kỳ đạt 12.480 tỷ đồng.

KQKD này bằng lần lượt 22% và 24% dự báo doanh thu và lợi nhuận thuần cho cả năm 2026 của HSC và sát với dự báo. Chi tiết như sau:

Khối Công nghệ ghi nhận doanh thu và lợi nhuận vững chắc, tăng 11% so với cùng kỳ

Trong khối Công nghệ, doanh thu tăng 11% so với cùng kỳ đạt 10,8 nghìn tỷ đồng trong Q1/2026, bao gồm mảng Dịch vụ CNTT nước ngoài tăng 10,4% so với cùng kỳ đạt 9.035 tỷ đồng và mảng Dịch vụ CNTT trong nước tăng mạnh hơn, tăng 14,2% so với cùng kỳ đạt 1.807 tỷ đồng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 23/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q1/2026, FPT

Lợi nhuận thuần tích cực đạt 2.487 tỷ đồng (tăng 15% so với cùng kỳ)

Tỷ đồng	Q1/25 điều chỉnh	Q1/26	So với cùng kỳ	Dự báo 2026	Tăng trưởng	% dự báo của HSC
Doanh thu	11,476	12,480	8.7%	56,911	12.5%	21.9%
CNTT	9,769	10,842	11.0%	51,129	15.0%	21.2%
Toàn cầu	8,186	9,035	10.4%	40,416	14.2%	22.4%
Trong nước	1,583	1,807	14.2%	10,713	17.8%	16.9%
Giáo dục, viễn thông, đầu tư	1,707	1,638	-4.0%	5,782	-5.7%	28.3%
LNTT	2,411	2,804	16.3%	10,790	16.7%	26.0%
CNTT	1,416	1,566	10.6%	6,862	16.6%	22.8%
Toàn cầu	1,391	1,468	5.5%	6,305	15.3%	23.3%
Trong nước	24	98	305.1%	557	33.9%	17.6%
Giáo dục, viễn thông, đầu tư	995	1,238	24.4%	4,935	16.8%	25.1%
Lợi nhuận thuần	2,174	2,487	14.4%	10,602	15.1%	23.5%

Nguồn: FPT, HSC

Đối với **mảng dịch vụ CNTT nước ngoài**, doanh thu từ phân khúc chuyển đổi số tăng tích cực 17,7% so với cùng kỳ đạt 4.214 tỷ đồng, nâng tỷ trọng đóng góp lên 46,6% doanh thu mảng dịch vụ CNTT nước ngoài (so với 43,7% trong Q1/2025 và 44% trong năm 2025). Sự thay đổi cơ cấu này phản ánh việc BLĐ tiếp tục chuyển dịch sang các dự án AI/Phân tích dữ liệu và An ninh mạng.

Theo khu vực địa lý, Nhật Bản tiếp tục là động lực tăng trưởng chính với doanh thu tăng 18,8% so với cùng kỳ đạt 4.176 tỷ đồng. Trong khi đó, doanh thu các thị trường ngoài Nhật Bản chỉ tăng khiêm tốn 4% so với cùng kỳ đạt 4.859 tỷ đồng, do bị kéo giảm bởi khu vực châu Á - Thái Bình Dương (giảm 10% so với cùng kỳ) và thị trường Mỹ vẫn tăng trưởng chậm (tăng 4% so với cùng kỳ). Tỷ trọng doanh thu từ Nhật Bản trong doanh thu mảng dịch vụ CNTT nước ngoài tăng lên 46,2% trong Q1/2026, từ mức 42,9% trong Q1/2025 và 43,7% trong năm 2025. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương chịu áp lực do các dự án tại Hàn Quốc và Malaysia bị trì hoãn trong bối cảnh bất ổn vĩ mô toàn cầu.

Doanh thu kỷ mới trong Q1/2026 ghi nhận tăng mạnh 22% so với cùng kỳ đạt 13.833 tỷ đồng, cho thấy triển vọng doanh thu tăng trưởng tích cực trong thời gian tới.

Lợi nhuận tăng trưởng vững 10,6% so với cùng kỳ nhờ mảng dịch vụ CNTT trong nước, trong khi mảng dịch vụ CNTT nước ngoài chịu áp lực từ khoản lỗ tại nhà máy AI Nhật Bản

Xét về lợi nhuận, LNTT của FPT tăng 16,3% so với cùng kỳ đạt 2.804 tỷ đồng. Trong đó, LNTT mảng dịch vụ CNTT trong nước tăng mạnh 305% so với cùng kỳ (nhưng giảm 24% so với quý trước), cho thấy sự phục hồi của mảng này nhờ cải thiện cơ cấu dịch vụ (tập trung vào phần mềm) với tỷ suất LNTT tăng lên mức 5,4% trong Q1/2026 từ 1,6% trong Q1/2025.

Trong khi đó, LNTT mảng dịch vụ CNTT nước ngoài chỉ tăng nhẹ 5,5% so với cùng kỳ. HSC lưu ý rằng tỷ suất LNTT của mảng này giảm xuống mức 16,2% trong Q1/2026 (từ 17% trong Q1/2025) do khoản lỗ từ dự án nhà máy AI tại Nhật Bản và lỗ tài chính do đồng JPY suy yếu.

Theo đó, LNTT toàn khối Công nghệ đạt 1.566 tỷ đồng (tăng 10,6% so với cùng kỳ).

LNTT khối Giáo dục, Đầu tư và Khác tăng trưởng nhờ mảng Viễn thông

Doanh thu của khối này (chủ yếu từ mảng Giáo dục) giảm 4% so với cùng kỳ xuống 1.638 tỷ đồng trong Q1/2026, chủ yếu do tỷ lệ tuyển sinh mới suy yếu kéo dài trong bối cảnh cạnh tranh gia tăng ở phân khúc đại học.

Mặc dù doanh thu của FPT Telecom không còn được hợp nhất vào BCTC của FPT nữa nhưng HSC vẫn cung cấp thêm thông tin về mảng này để nhà đầu tư có cái nhìn đầy đủ hơn. Mảng viễn thông ghi nhận doanh thu dịch vụ băng thông rộng và dịch vụ ngoài băng thông rộng tăng lần lượt 11% và 14% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu dịch vụ băng thông rộng được thúc đẩy nhờ doanh thu bình quân trên mỗi người dùng tăng khoảng 7% so với cùng kỳ kể từ tháng 2/2026.

Mặc dù doanh thu mảng Giáo dục tăng trưởng yếu nhưng LNTT của khối Giáo dục, Đầu tư và Khác tăng mạnh 24% so với cùng kỳ đạt 1.238 tỷ đồng, chủ yếu nhờ việc phân loại lại FPT Telecom vào mảng này sau khi không còn hợp nhất. LNTT mảng Viễn thông tăng 15% so với cùng kỳ trong Q1/2026, trong khi các công ty liên kết (FRT, FPT Trading) cũng ghi nhận mức tăng trưởng hai chữ số.

Duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

HSC cho rằng doanh thu kỷ mới tăng mạnh trong Q1/2026 là một chỉ báo sớm tích cực giúp hỗ trợ tăng trưởng doanh thu của FPT trong năm 2026. Chúng tôi duy trì dự báo năm 2026 với doanh thu thuần đạt 56,9 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 12,5%) và lợi nhuận thuần đạt 10,6 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 15,1%).

Sau khi giá cổ phiếu đi ngang trong 1 tháng qua, FPT đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 12,5 lần, thấp hơn so với bình quân 3 năm ở mức 18,8 lần. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào đối với FPT với giá mục tiêu không đổi là 113.500đ (tiềm năng tăng giá 52%).

Bảng 2: Tỷ suất lợi nhuận, FPT

Tỷ suất lợi nhuận mở rộng ở tất cả các ngành trừ dịch vụ CNTT toàn cầu

Tỷ suất lợi nhuận	Q1/25 điều chỉnh	Q1/26
Tỷ suất LNTT	21.0%	22.5%
Công nghệ	14.5%	14.4%
<i>Toàn cầu</i>	<i>17.0%</i>	<i>16.2%</i>
<i>Trong nước</i>	<i>1.5%</i>	<i>5.4%</i>
Giáo dục, viễn thông, đầu tư	58.3%	75.6%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	18.9%	19.9%

Nguồn: FPT, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	62,849	70,113	78,813	88,483	99,870
Lợi nhuận gộp	23,698	25,895	29,262	32,339	35,898
Chi phí BH&QL	(13,190)	(14,912)	(16,560)	(18,338)	(20,557)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	10,508	10,984	12,702	14,001	15,341
Lãi vay thuần	124	1,305	1,484	1,911	2,590
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	393	658	702	874	985
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	44.6	92.0	103	116	131
LN TT	11,070	13,039	14,992	16,903	19,047
Chi phí thuế TNDN	(1,642)	(1,813)	(2,265)	(2,614)	(3,000)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,571)	(1,856)	(2,125)	(2,336)	(2,504)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	7,857	9,369	10,602	11,953	13,544
Lợi nhuận thuần ĐC	7,849	9,353	10,583	11,933	13,520
EBITDA ĐC	13,044	13,883	15,805	17,760	19,890
EPS (đồng)	4,917	5,060	5,726	6,456	7,314
EPS ĐC (đồng)	4,296	5,060	5,726	6,456	7,314
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000	2,500	2,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,471	1,704	1,704	1,704	1,704
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,471	1,704	1,704	1,704	1,704
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,471	1,704	1,704	1,704	1,704

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	9,315	10,540	9,737	8,421	6,114
Đầu tư ngắn hạn	21,785	29,613	36,817	47,862	62,221
Phải thu khách hàng	11,382	14,401	15,996	17,959	20,270
Hàng tồn kho	1,857	2,167	2,433	2,731	2,996
Các tài sản ngắn hạn khác	1,197	1,382	1,551	1,741	1,966
Tổng tài sản ngắn hạn	45,536	58,103	66,534	78,714	93,566
TSCĐ hữu hình	15,334	16,991	17,124	16,958	16,399
TSCĐ vô hình	2,040	1,943	1,867	1,730	1,514
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,037	1,157	1,321	1,472	1,631
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,281	3,581	3,760	3,948	4,146
Tài sản dài hạn khác	5,772	6,315	5,871	6,114	6,514
Tổng tài sản dài hạn	26,464	29,987	29,943	30,222	30,204
Tổng cộng tài sản	72,000	88,090	96,478	108,936	123,770
Nợ ngắn hạn	14,446	19,170	18,915	20,351	21,971
Phải trả người bán	4,424	3,837	4,307	4,836	5,458
Nợ ngắn hạn khác	13,105	15,593	16,383	18,394	20,761
Tổng nợ ngắn hạn	34,836	41,553	42,921	47,303	52,391
Nợ dài hạn	501	1,904	1,000	1,000	1,000
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	357	199	239	286	344
Nợ dài hạn khác	315	277	311	349	394
Tổng nợ dài hạn	1,173	2,380	1,549	1,635	1,737
Tổng nợ phải trả	36,272	44,338	44,471	48,938	54,129
Vốn chủ sở hữu	29,794	36,486	43,652	50,390	58,592
Lợi ích cổ đông thiểu số	5,933	7,265	8,355	9,608	11,049
Tổng vốn chủ sở hữu	35,728	43,751	52,007	59,998	69,641
Tổng nợ phải trả và VCSH	72,000	88,090	96,478	108,936	123,770
BVPS (đ)	20,253	21,418	25,624	29,580	34,394
Nợ thuần*/(tiền mặt)	5,632	10,533	10,178	12,930	16,858

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	10,508	10,984	12,702	14,001	15,341
Khấu hao	(2,535)	(2,900)	(3,103)	(3,758)	(4,548)
Lãi vay thuần	124	1,305	1,484	1,911	2,590
Thuế TNDN đã nộp	(1,642)	(1,813)	(2,265)	(2,614)	(3,000)
Thay đổi vốn lưu động	303	(1,147)	(2,013)	(1,310)	(1,456)
Khác	(125)	(2,040)	(1,847)	(2,274)	(2,840)
LCT thuần từ HKKD	11,704	10,189	11,164	13,473	15,184
Đầu tư TS dài hạn	(3,275)	(5,151)	(3,623)	(4,017)	(4,457)
Góp vốn & đầu tư	(43,063)	(57,705)	(7,383)	(11,233)	(14,556)
Thanh lý	36,346	49,196	0	0	0
Khác	1,530	2,001	2,759	3,284	4,161
LCT thuần từ HĐĐT	(8,462)	(11,660)	(8,247)	(11,967)	(14,852)
Cổ tức trả cho CSH	(3,292)	(4,574)	(3,407)	(4,259)	(4,259)
Thu từ phát hành CP	163	1,196	0	0	0
Tăng/giảm nợ	933	6,180	(313)	1,436	1,620
Khác	(2,31)	(0.99)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(2,198)	2,801	(3,720)	(2,823)	(2,639)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	8,279	9,315	10,540	9,737	8,421
LCT thuần trong kỳ	1,044	1,331	(803)	(1,317)	(2,307)
Ảnh hưởng của tỷ giá	(7.92)	(106)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	9,315	10,540	9,737	8,421	6,114
Dòng tiền tự do	8,428	5,038	7,542	9,456	10,727

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	37.7	36.9	37.1	36.5	35.9
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.8	19.8	20.1	20.1	19.9
Tỷ suất LNT (%)	12.5	13.4	13.5	13.5	13.6
Thuế TNDN hiện hành (%)	14.8	13.9	15.1	15.5	15.7
Tăng trưởng doanh thu (%)	19.4	11.6	12.4	12.3	12.9
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	21.5	6.44	13.8	12.4	12.0
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	21.7	19.2	13.2	12.7	13.3
Tăng trưởng EPS (%)	5.47	2.92	13.2	12.7	13.3
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	21.9	17.8	13.2	12.7	13.3
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0	25.0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	40.7	39.5	34.9	38.7	34.2
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.7	28.3	26.5	25.4	24.9
ROACE (%)	31.0	26.2	25.4	24.3	23.1
Vòng quay tài sản (lần)	0.95	0.88	0.85	0.86	0.86
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.11	0.93	0.88	0.96	0.99
Số ngày tồn kho	17.3	17.9	17.9	17.8	17.1
Số ngày phải thu	106	119	118	117	116
Số ngày phải trả	41.2	31.7	31.7	31.4	31.1
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	20.8	31.0	25.3	27.6	30.6
Nợ/tài sản (%)	21.5	24.8	21.5	20.5	19.4
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.19	1.57	1.31	1.26	1.21
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.31	1.40	1.55	1.66	1.79
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.84	1.96	1.74	1.58	1.44
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.85	9.91	8.68	7.88	7.24
P/E (lần)	15.2	14.7	13.0	11.6	10.2
P/E ĐC (lần)	17.4	14.7	13.0	11.6	10.2
P/B (lần)	3.68	3.48	2.91	2.52	2.17
Lợi suất cổ tức (%)	2.68	2.68	2.68	3.35	3.35

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn